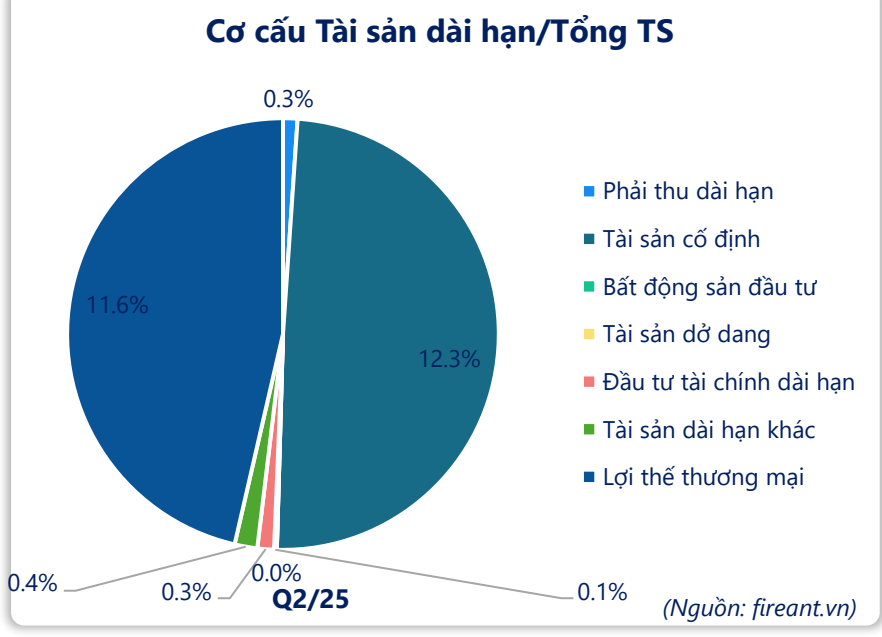
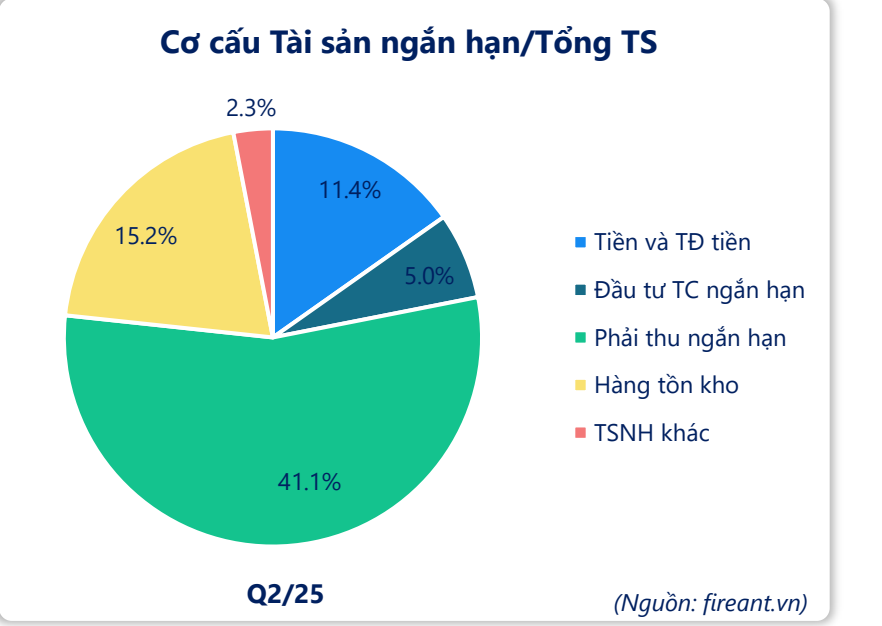
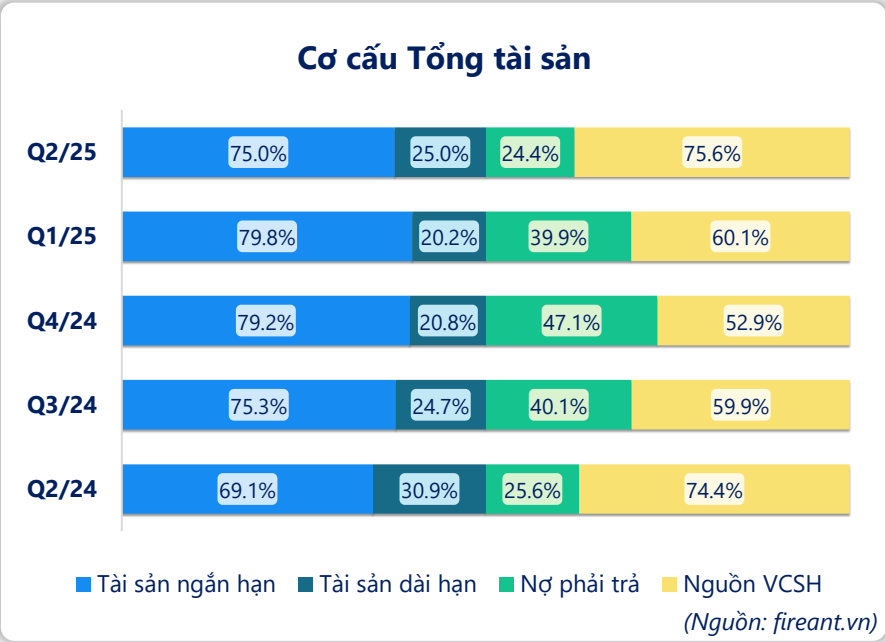
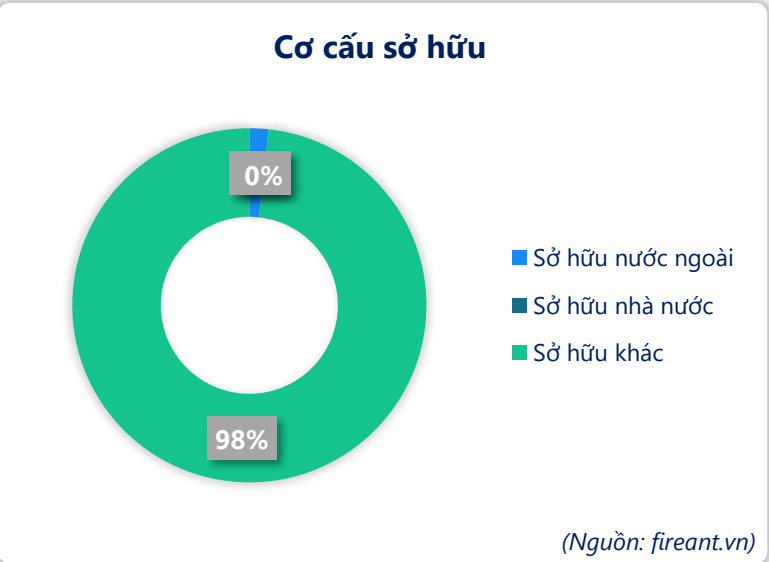
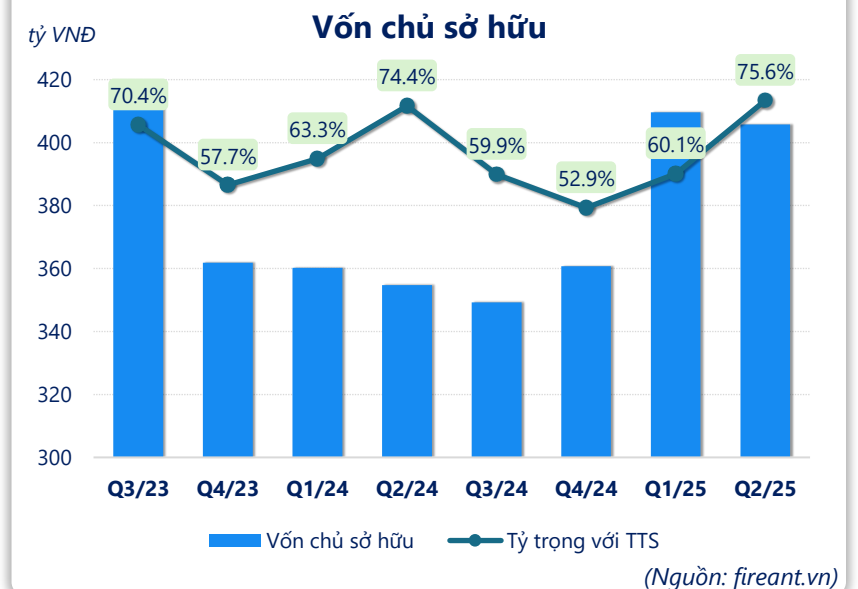
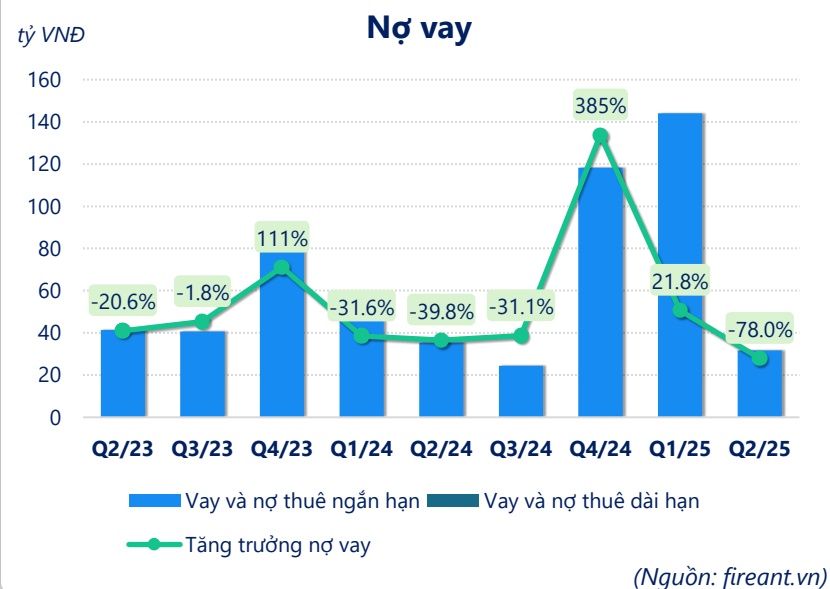
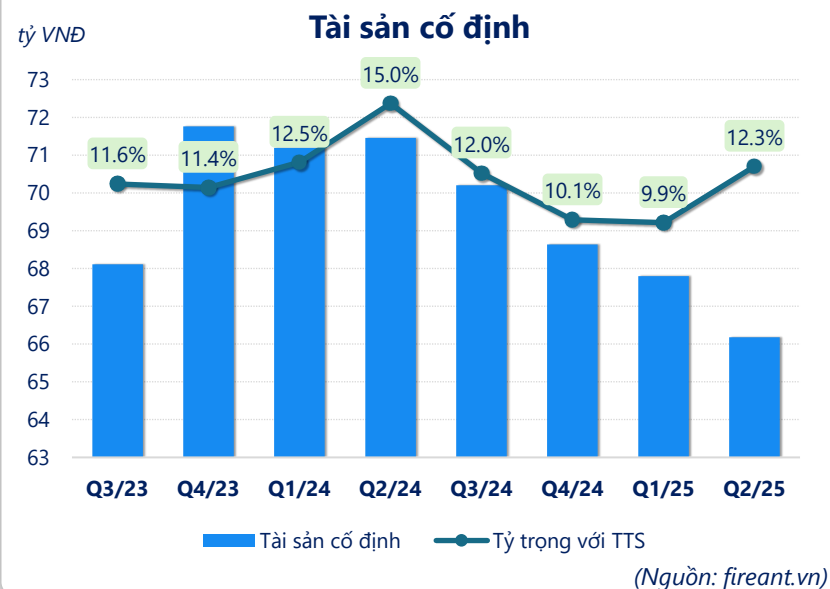
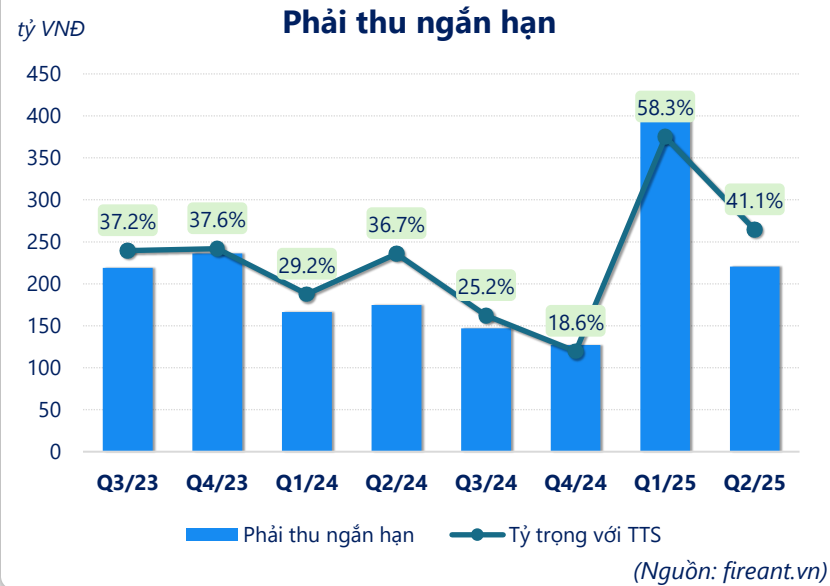
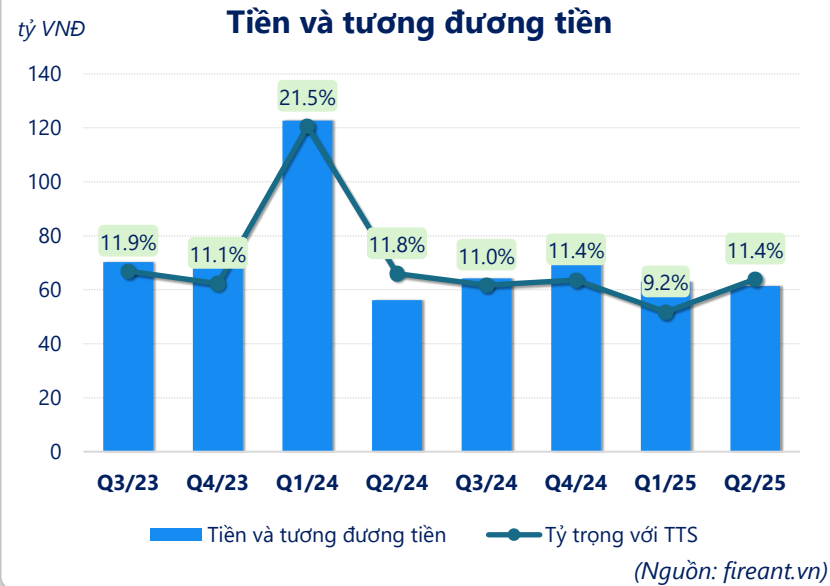
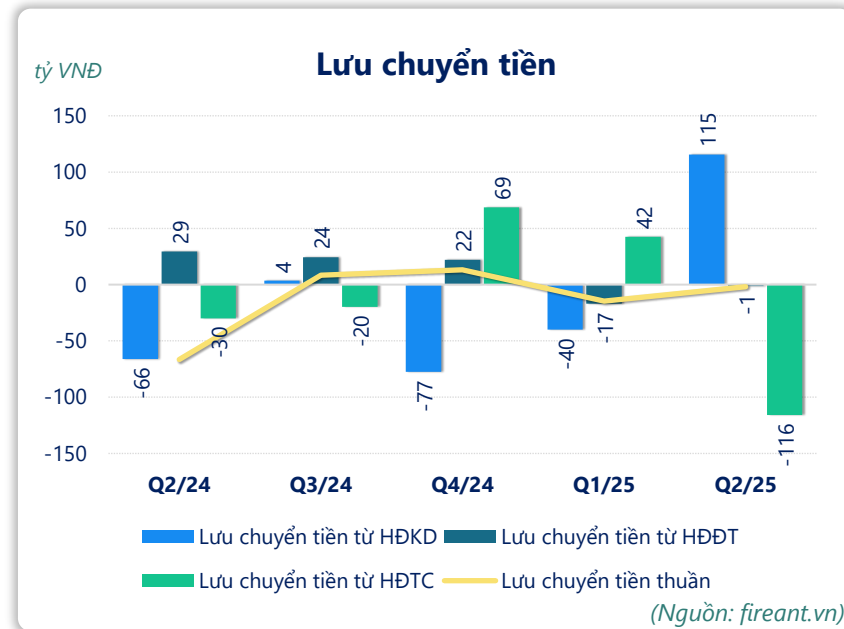
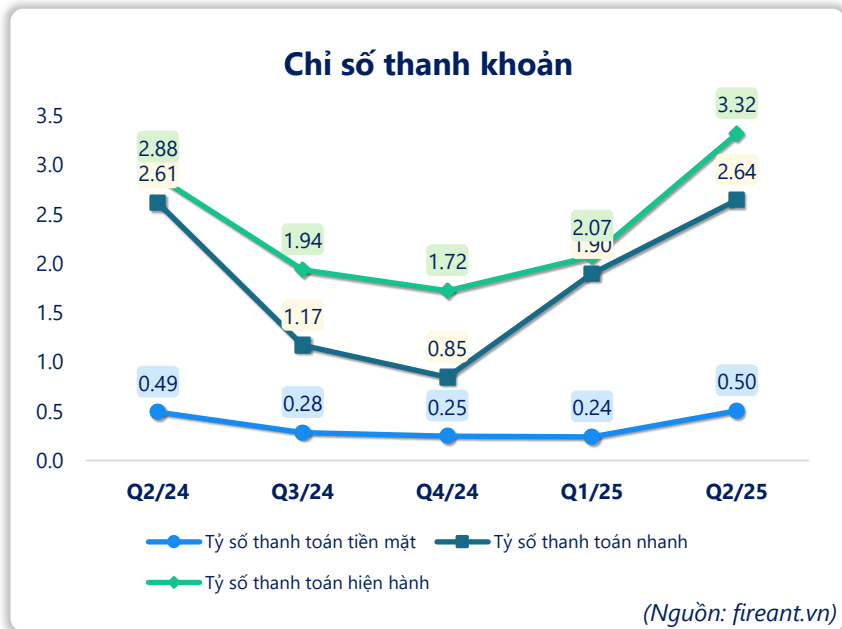
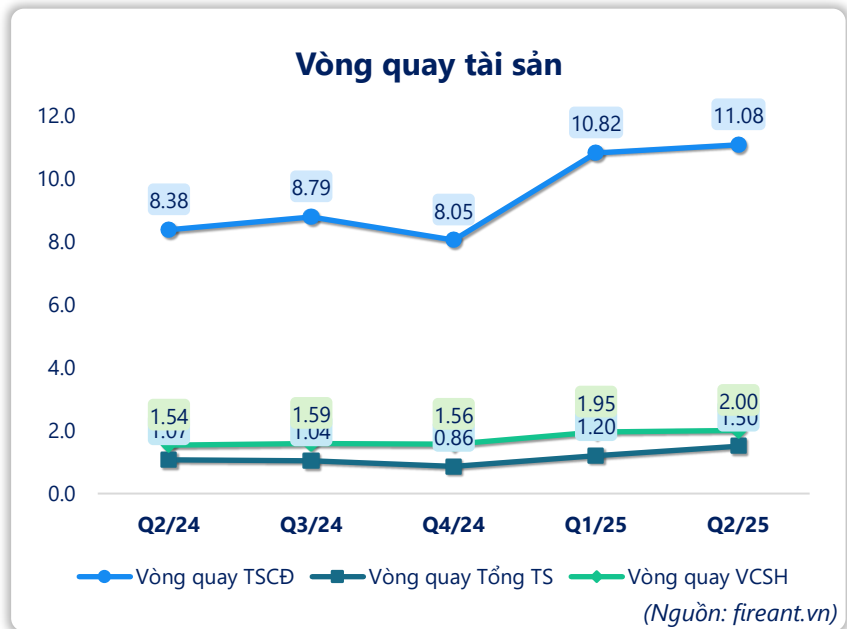
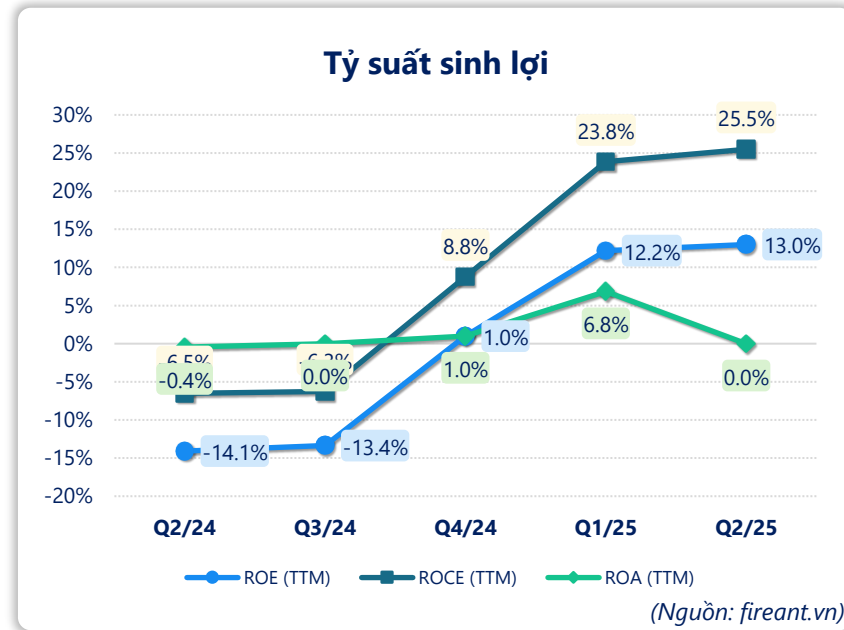
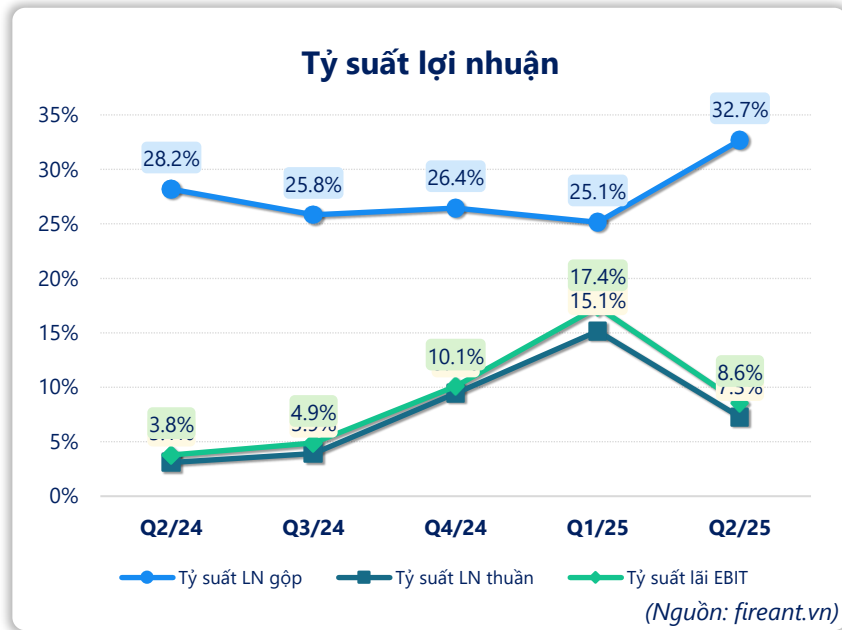
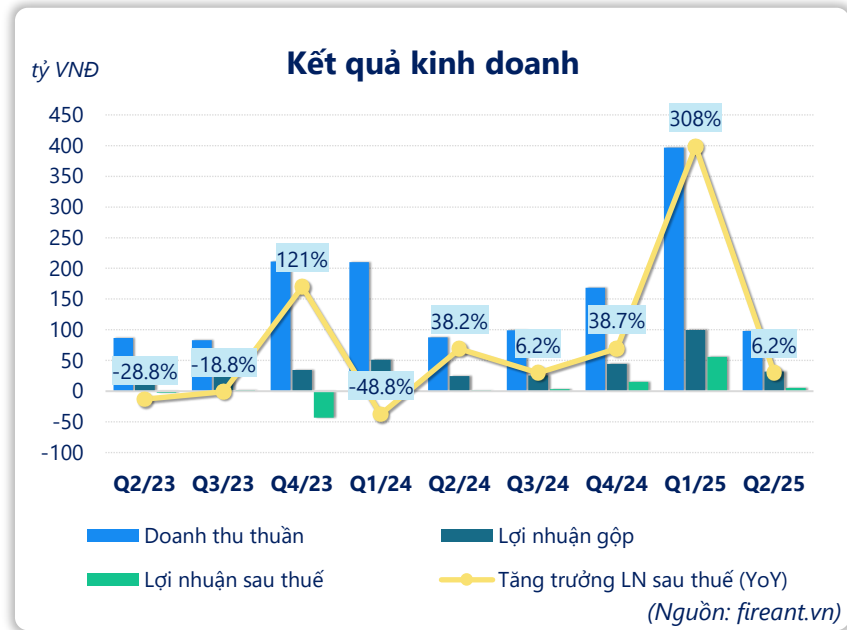


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,383
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,374
SL cổ phiếu LH		24,461,403
KLGD BQ 20 phiên (CP)		40,145
% sở hữu nước ngoài		1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		342
P/E		6.9
EPS		2,021

	YTD	1T	3T	6T
ITD	11.0%	9.7%	11.0%	13.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	537	682	-21.3%
Tài sản ngắn hạn	403	540	-25.4%
Tiền và tương đương tiền	61.3	77.6	-21.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.9	31.8	-15.2%
Phải thu ngắn hạn	221	127	73.9%
Hàng tồn kho	81.6	275	-70.3%
Tài sản ngắn hạn khác	12.2	28.9	-57.6%
Tài sản dài hạn	134	142	-5.8%
Phải thu dài hạn	1.45	1.41	2.7%
Tài sản cố định	66.2	68.6	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.28	0.23	20.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.66	1.74	-4.2%
Tài sản dài hạn khác	2.28	3.90	-41.7%
Lợi thế thương mại	62.2	66.3	-6.3%
Nợ phải trả	131	322	-59.3%
Nợ ngắn hạn	121	313	-61.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	31.7	118	-73.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	42.1	76.3	-44.8%
Nợ dài hạn	9.59	8.32	15.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	406	361	12.5%
Vốn chủ sở hữu	406	361	12.5%
Vốn điều lệ	245	245	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	87.5	98.9	169	397	98.0
Giá vốn hàng bán	62.8	73.4	124	297	66.0
Lợi nhuận gộp	24.6	25.5	44.6	99.8	32.0
Doanh thu HĐTC	1.62	0.66	1.12	1.55	1.14
Chi phí TC	1.08	1.53	2.01	2.75	1.81
Chi phí lãi vay	0.70	0.39	0.08	2.99	1.23
LN trong công ty LKLD	-0.58	0.13	-0.06	-0.07	0
Chi phí bán hàng	10.7	9.93	12.2	13.9	10.9
Chi phí QLDN	11.2	11.0	15.5	24.5	13.3
LN thuần từ HĐKD	2.71	3.87	15.9	60.1	7.13
Lợi nhuận khác	-0.10	0.59	0.99	5.77	0.04
LN trước thuế	2.61	4.46	16.9	65.9	7.17
Lợi nhuận sau thuế	0.94	3.34	15.4	55.8	5.40
LNST của CĐ cty mẹ	-2.45	0.01	6.64	42.8	0.00

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-66.1	3.51	-77.4	-40.0	115
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	29.4	24.4	22.0	-16.9	-1.25
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-29.9	-19.6	68.6	42.4	-116
Tiền đầu kỳ	123	56.1	64.3	77.6	63.0
Lưu chuyển tiền thuần	-66.5	8.30	13.2	-14.6	-1.73
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	-0.17	0.16	0.03	-0.01
Tiền cuối kỳ	56.1	64.3	77.6	63.0	61.3

(Nguồn: fireant.vn)